

Kính gửi: - Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Trong thời gian qua, Bộ Tài chính nhận được một số kiến nghị hướng dẫn về thuế bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là BVMT). Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về thuế BVMT đối với hàng hoá mua bán từ trong nước vào khu phi thuế quan

- Khoản 1 Điều 5 Luật thuế BVMT quy định: “*Người nộp thuế bảo vệ môi trường là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế*”.

- Khoản 3 Điều 10 Luật thuế BVMT quy định: “*Thuế bảo vệ môi trường chỉ phải nộp một lần đối với hàng hoá sản xuất hoặc nhập khẩu*”.

- Điều 11 Luật thuế BVMT quy định: “*Người nộp thuế bảo vệ môi trường được hoàn thuế đã nộp trong các trường hợp sau:*

1. Hàng hoá nhập khẩu còn lưu kho, lưu bãi tại cửa khẩu và đang chịu sự giám sát của cơ quan Hải quan, được tái xuất khẩu ra nước ngoài;

.....

4. Hàng hoá nhập khẩu do người nhập khẩu tái xuất khẩu ra nước ngoài;

5. Hàng hoá tạm nhập khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm theo qui định của pháp luật khi tái xuất khẩu ra nước ngoài”.

Căn cứ quy định nêu trên, thuế BVMT chỉ phải nộp một lần tại khâu sản xuất bán ra hoặc tại khâu nhập khẩu.

Việc xác định hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để tính thuế BVMT là khi hàng hoá được xuất, nhập khẩu qua biên giới Việt Nam.

Hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế BVMT được sản xuất trong nước hoặc trong khu phi thuế quan và bán ra giữa trong nước và khu phi thuế quan, trong khu phi thuế quan, giữa các khu phi thuế quan với nhau và xuất nhập khẩu tại chỗ (trong lãnh thổ Việt Nam) thì doanh nghiệp sản xuất hàng hoá phải khai, nộp thuế BVMT khi bán hàng hoá.

Khu phi thuế quan bao gồm: khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất, kho bảo thuế, khu bảo thuế, kho ngoại quan, khu kinh tế thương mại đặc biệt, khu thương mại - công nghiệp và các khu vực kinh tế khác được thành lập theo

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, có quan hệ mua bán trao đổi hàng hoá giữa khu này với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu.

Trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế BVMT đối với hàng hoá bán ra hoặc nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam thì hàng hoá đó sẽ không phải chịu thuế BVMT ở các khâu mua bán sau đó (mua bán giữa tổ chức, cá nhân trong nội địa, trong khu phi thuế quan, từ nội địa vào khu phi thuế quan và ngược lại, giữa các khu phi thuế quan với nhau).

Ví dụ 1: Doanh nghiệp A (trong nội địa) sản xuất túi ni lông bán cho doanh nghiệp B (trong khu phi thuế quan). Doanh nghiệp A phải khai, nộp thuế BVMT đối với túi ni lông khi xuất bán cho doanh nghiệp B. Doanh nghiệp B không phải khai, nộp thuế BVMT đối với túi ni lông mua của doanh nghiệp A khi nhập vào khu phi thuế quan hoặc khi xuất bán lượng túi ni lông đó.

Ví dụ 2: Doanh nghiệp C (trong khu phi thuế quan) sản xuất túi ni lông bán cho doanh nghiệp D (trong nội địa hoặc trong khu phi thuế quan khác). Doanh nghiệp C phải khai, nộp thuế BVMT khi bán túi ni lông cho doanh nghiệp D. Doanh nghiệp D không phải khai, nộp thuế BVMT đối với túi ni lông mua của doanh nghiệp C.

2. Thuế BVMT đối với thuốc diệt cỏ hạn chế sử dụng

- Tại Nghị quyết 1269/2011/NQ-UBTVQH12 ngày 14/7/2011 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Biểu mức thuế BVMT có quy định về thuế BVMT đối với Thuốc diệt cỏ thuộc loại hạn chế sử dụng

- Việc sản xuất, kinh doanh thuốc diệt cỏ được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật.

Tại khoản 3 Điều 29 Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật quy định: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm: Hàng năm công bố danh mục cụ thể thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng, thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng ở Việt Nam.

Hiện tại, Danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng chưa quy định về thuốc diệt cỏ loại hạn chế sử dụng. Vì vậy, chưa thu thuế BVMT đối với thuốc diệt cỏ thuộc loại hạn chế sử dụng.

3. Thuế BVMT đối với túi ni lông đa lớp

- Tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế BVMT quy định: *“Đối với túi ni lông thuộc diện chịu thuế (túi nhựa) quy định tại Khoản 4 Điều 3 của Luật Thuế bảo vệ môi trường là loại túi, bao bì nhựa mỏng làm từ màng nhựa đơn HDPE (high density polyethylene resin), LDPE (Low density polyethylen) hoặc LLDPE (Linear low density polyethylen resin), trừ bao bì đóng gói sẵn hàng hóa và túi ni lông đáp ứng tiêu chí thân thiện với môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường”*.

- Túi ni lông đa lớp là loại túi được sản xuất từ màng nhựa đơn HDPE, LDPE, LLDPE và các loại màng nhựa khác (Polypropylene - PP, Polyamit-PA,...).

Túi ni lông đa lớp được sản xuất từ màng nhựa đơn HDPE, LDPE, LLDPE thuộc diện chịu thuế BVMT. Thuế BVMT túi ni lông đa lớp được tính theo tỷ lệ % trọng lượng màng nhựa đơn HDPE, LDPE, LLDPE có trong túi. Căn cứ định mức lượng màng nhựa đơn HDPE, LDPE, LLDPE sử dụng sản xuất túi ni lông đa lớp, doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu túi ni lông đa lớp khai, nộp thuế BVMT.

Ví dụ, Doanh nghiệp A sản xuất túi ni lông đa lớp. Túi này được sản xuất từ 70% màng nhựa đơn HDPE và 30% màng nhựa khác (PA, PP,...). Trong tháng doanh nghiệp sản xuất và bán ra 100 kg túi đa lớp.

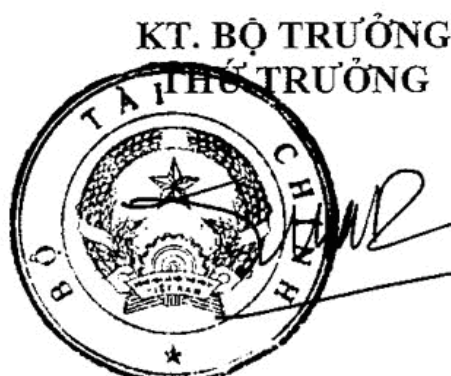
Như vậy, Số thuế thuế BVMT đối với túi ni lông của doanh nghiệp A phải nộp: $= 100 \text{ kg} \times 70\% \times 40.000 \text{ đồng/kg} = 2.800.000 \text{ đồng}$.

Doanh nghiệp tự xây dựng, quản lý định mức lượng màng nhựa đơn HDPE, LDPE, LLDPE sử dụng sản xuất túi ni lông đa lớp. Định mức được xây dựng từ đầu năm hoặc đầu kỳ sản xuất túi ni lông và thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước khi xuất bán túi ni lông. Trường hợp doanh nghiệp trong thời gian sản xuất có điều chỉnh bổ sung định mức thì doanh nghiệp phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị Cục Thuế và Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết. / *lum*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ PC, TCT, TCHQ; ✓
- Lưu VT, CST (P5).



- Vũ Thị Mai